TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29/6/2022.
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà **Trịnh Đoàn Hạnh Trang**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thị Hằng**

Bà **Thạch Thị Lan Nhung**

***- Thư ký phiên toà*:** Ông **Phan Trọng Thắng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông **Mai Trường Trinh** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Hoàng Văn Th**, sinh năm: 1962

Địa chỉ: Thôn ĐP 1, xã TH, huyện LH, tỉnh LĐ.

- Bị đơn: Bà **Phùng Thị L**, sinh năm: 1964

Địa chỉ: Thôn ĐP 1, xã TH, huyện LH, tỉnh LĐ.

(Tại phiên tòa ông Th và bà L có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ly hôn và bản tự khai nguyên đơn ông Hoàng Văn Th trình bày: Ông Hoàng Văn Th và bà Phùng Thị L xây dựng gia đình với nhau năm 1982, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn

tại Ủy ban nhân dân xã Đại Tự, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc ngày 12/10/1982. Đến năm 1995 ông bà chuyển vào sống tại thôn Đan Phượng 1, xã Tân Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống ông bà hòa thuận hạnh phúc đến năm 1985 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông bà không hợp nhau, làm việc gì cũng trái ý nhau nên thường xuyên xung đột, cãi nhau và không thể tìm được tiếng nói chung trong gia đình, khoảng cách hai bên ngày càng nhiều nhưng hai bên cố gắng chung sống vì các con, đến nay thì mâu thuẫn đã trầm trọng và vợ chồng đã tự sống ly thân hai năm nay. Đến nay ông Th xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông Th yêu cầu được ly hôn với bà L.

Về con chung: Ông Hoàng Văn Th xác định có 02 con chung là Hoàng Văn Chi, sinh ngày 02/01/1987 và Hoàng Văn Chung, sinh ngày 17/01/1990. Hiện nay con ông bà đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên khi ly hôn ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Hoàng Văn Th xác định hai bên đã tự thỏa thuận giải quyết xong nên ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Hoàng Văn Th xác định vợ chồng ông bà có nợ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Đà Lạt, phòng giao dịch Tân Hà số tiền 450.000.000đồng; Nợ Quỹ tín dụng nhân dân Tân Hà số tiền 240.000.000đồng; Nợ Hội nông dân thôn Đan Phượng 1, xã Tân Hà số tiền 10.780.000đồng; Nợ đại lý phân bón Đức Hồng số tiền 55.000.000đồng; Nợ đại lý Thu Hồng số tiền 7.800.000đồng; Nợ đại lý phân bón Minh Lợi số tiền 74.000.000đồng; Nợ đại lý cám gạo Hà Út số tiền 3.700.000đồng; Nợ đại lý Ngọc Đoàn số tiền 12.000.000đồng; Nợ ông Nguyễn Văn Đây, bà Kiều Thị Mai (Mai Đây) số tiền 7.000.000đồng; Nợ ông Hoàng Văn Thiết số tiền 16.000.000đồng; Nợ đại lý Tuyết Luận số tiền 53.000.000đồng. Ngoài ra không còn nợ ai khác.

Khi ly hôn ông Th yêu cầu để ông bà tự giải quyết nên ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn bà Phùng Thị L trình bày: Ông Hoàng Văn Th và bà Phùng Thị L xây dựng gia đình với nhau năm 1982, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đại Tự, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc ngày 12/10/1982. Sau khi kết hôn bà L về làm dâu nhà ông Thịnh, đến năm 1986 thì bố mẹ cho ra ở riêng nhưng vợ chồng không có tài sản gì mà vợ chồng phải tự làm nên cuộc sống rất khó khăn. Từ năm 2015 đến năm 2019

ông Th cầm toàn bộ kinh tế và làm thất thoát kinh tế rất nhiều, trong khi bà L đau ốm không có tiền chữa trị, ông Th lại gây ra nợ và để đó cho mẹ con bà L trả nợ nên vợ chồng mâu thuẫn. Nay ông Th yêu cầu ly hôn thì bà L đồng ý giải quyết ly hôn theo yêu cầu của ông Thịnh.

Về con chung: Bà L và ông Th có 02 con chung là Hoàng Văn Chi, sinh ngày 02/01/1987 và Hoàng Văn Chung, sinh ngày 17/01/1990. Hiện nay con bà đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên khi ly hôn bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ngày 08/4/2022 bà L có nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung nhưng đến ngày 26/5/2022 bà L nộp đơn xin rút yêu cầu giải quyết vấn đề tài sản. Đồng thời, bà L xác định bà và ông Th đã tự thỏa thuận giải quyết xong nên bà L cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà L xác định có nợ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Đà Lạt, phòng giao dịch Tân Hà số tiền 450.000.000đồng; Nợ Quỹ tín dụng nhân dân Tân Hà số tiền 240.000.000đồng; Nợ đại lý phân bón Minh Lợi số tiền 74.000.000đồng; Nợ đại lý Ngọc Đoàn số tiền 12.000.000đồng. Các bên thỏa thuận chia tài sản và bà L nhận trách nhiệm trả các khoản nợ này. Hiện nay bà L đã trả xong nợ cho Ngân hàng Đầu tư và Quỹ tín dụng nhân dân Tân Hà. Còn lại nợ đại lý phân bón Minh Lợi và đại lý Ngọc Đoàn thì bà L về sẽ tự giải quyết với hai chủ nợ này nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với các khoản nợ còn lại do ông Th khai thì bà L không thừa nhận là nợ chung nên bà L yêu cầu ông Th phải trả và bà L không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành. Vì vậy, Tòa án triển khai đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, ông Th và bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của ông Thịnh, giải quyết cho ông Th và bà L được ly hôn.

Về con chung của ông Thịnh, bà L đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

Về tài sản chung ông Thịnh, bà L không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

Về nợ chung ông Thịnh, bà L không yêu cầu giải quyết, các chủ nợ đã được thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng các chủ nợ cũng không có đơn yêu cầu cụ thể nộp đến Tòa án nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc ông Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng Văn Th và bà Phùng Thị L xây dựng gia đình với nhau năm 1982, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đại Tự, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc ngày 12/10/1982 nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Tại phiên tòa ông Th xác định ông và bà L phát sinh mâu thuẫn trong thời gian dài, nguyên nhân là do ông bà không hợp nhau nên thường xuyên xung đột, cãi nhau và ông bà đã tự sống ly thân hai năm nay nên ông Th giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bà L. Còn bà L cho rằng nguyên nhân chính dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn là do ông Th không rõ ràng trong việc chi tiêu, gây thất thoát kinh tế gia đình và đến nay mâu thuẫn đã trầm trọng nên bà L đồng ý ly hôn.

Xét thấy, ông Th và bà L phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không hiểu nhau nên không thông cảm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Hai bên lại không thống nhất được với nhau trong việc phát triển kinh tế gia đình nên làm cho mâu thuẫn hai bên nặng nề hơn. Đến nay ông bà đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được do mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài nên ông Th yêu cầu ly hôn, bà L cũng đồng ý giải quyết ly hôn. Vì vậy, căn

cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Thịnh, xử cho ông Th và bà L được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[2] Về con chung: Ông Hoàng Văn Th và bà Phùng Thị L có 02 con chung là Hoàng Văn Chi, sinh ngày 02/01/1987 và Hoàng Văn Chung, sinh ngày 17/01/1990. Khi ly hôn ông Th và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, hiện nay các con ông bà đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giao cho bố hoặc mẹ có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục mà đây là trách nhiệm chung của ông Th và bà L đối với các con ông bà.

[3] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án ông Hoàng Văn Th yêu cầu để ông bà tự thỏa thuận giải quyết nên ông Th không yêu cầu giải quyết. Còn bà Phùng Thị L có nộp đơn yêu cầu giải quyết vấn đề tài sản nhưng sau đó bà L tự nguyện rút đơn khởi kiện. Tại phiên tòa, ông Th và bà L xác định ông bà đã tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết

[4] Về nợ chung: Ông Hoàng Văn Th xác định ông bà có nợ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Đà Lạt, phòng giao dịch Tân Hà số tiền 450.000.000đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng); Nợ Quỹ tín dụng nhân dân Tân Hà số tiền 240.000.000đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng); Nợ Hội nông dân thôn Đan Phượng 1, xã Tân Hà số tiền 10.780.000đồng (Mười triệu bảy trăm tám mươi ngàn đồng); Nợ đại lý phân bón Đức Hồng số tiền 55.000.000đồng (Năm mươi lăm triệu đồng); Nợ đại lý Thu Hồng số tiền 7.800.000đồng (Bảy triệu tám trăm ngàn đồng); Nợ đại lý phân bón Minh Lợi số tiền 74.000.000đồng (Bảy mươi tư triệu đồng); Nợ đại lý cám gạo Hà Út số tiền 3.700.000đồng (Ba triệu bảy trăm ngàn đồng); Nợ đại lý Ngọc Đoàn số tiền 12.000.000đồng (Mười hai triệu đồng); Nợ ông Nguyễn Văn Đây, bà Kiều Thị Mai (Mai Đây) số tiền 7.000.000đồng (Bảy triệu đồng); Nợ ông Hoàng Văn Thiết số tiền 16.000.000đồng (Mười sáu triệu đồng); Nợ đại lý Tuyết Luận số tiền 53.000.000đồng (Năm mươi ba triệu đồng). Ngoài ra không còn nợ ai khác. Khi ly hôn ông Th yêu cầu để ông bà tự thỏa thuận giải quyết với các chủ nợ, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, bà L chỉ thừa nhận ông bà có nợ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Đà Lạt, phòng giao dịch Tân Hà; Nợ Quỹ tín dụng nhân dân Tân Hà; Nợ Đại lý phân bón Minh Lợi và đại lý Ngọc Đoàn. Các khoản nợ còn lại bà L không thừa nhận và bà L khẳng định ông bà không còn nợ ai

khác. Khi ly hôn bà L cũng không yêu cầu giải quyết vấn đề nợ chung trong vụ án này.

Qua xem xét thì Hội đồng xét xử thấy rằng, đối với số nợ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Đà Lạt, phòng giao dịch Tân Hà và Quỹ tín dụng nhân dân Tân Hà thì bà L xuất trình giấy tờ đã trả dứt điểm nợ vay. Phía Ngân hàng và Quỹ tín dụng cũng không có yêu cầu gì trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

Đối với số nợ đại lý phân bón Minh Lợi số tiền 74.000.000đồng và đại lý Ngọc Đoàn số tiền 12.000.000đồng thì bà L nhận trách nhiệm trả nợ và bà L yêu cầu để bà L tự giải quyết với các chủ nợ. Quá trình giải quyết vụ án thì bà Huỳnh Minh Lợi là chủ đại lý phân bón Minh Lợi có đơn yêu cầu độc lập và Tòa án tống đạt thông báo nộp tiền tạm ứng án phí cho bà Lợi nhưng bà Lợi không nộp nên Tòa án không đưa bà Lợi tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi liên quan trong vụ án. Bà Phùng Thị Đoàn chủ đại lý Ngọc Đoàn có đơn trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết mà để các bên tự giải quyết với nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết đối với 02 khoản nợ trên trong vụ án này.

Đối với số nợ của Hội nông dân thôn Đan Phượng 1, xã Tân Hà số tiền 10.780.000đồng do ông Bùi Anh Thức là chi hội trưởng; Nợ ông Nguyễn Văn Đức, bà Nguyễn Thị Hồng (Đại lý phân bón Đức Hồng) số tiền 55.000.000đồng; Nợ bà Hoàng Thị Thu Hồng (Đại lý Thu Hồng) số tiền 7.800.000đồng; Nợ bà Hà Thị Út (Đại lý cám gạo Hà Út) số tiền 3.700.000đồng; Nợ ông Nguyễn Văn Đây, bà Kiều Thị Mai (Mai Đây) số tiền 7.000.000đồng; Nợ ông Hoàng Văn Thiết số tiền 16.000.000đồng. Ông Th nhận trách nhiệm trả toàn bộ các khoản nợ này và ông Th yêu cầu để ông tự thỏa thuận với các chủ nợ nên ông Th cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án ông Th có nộp các giấy tờ thỏa thuận nhận trách nhiệm trả nợ đối với các chủ nợ nêu trên, Tòa án cũng đã thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho các chủ nợ nêu trên biết nhưng các chủ nợ không có đơn yêu cầu cụ thể gửi đến Tòa án. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết đối với các khoản nợ trên trong vụ án này.

Đối với số nợ bà Nguyễn Thị Tuyết (đại lý Tuyết Luận) thì ông Th khai hiện nay còn nợ bà Tuyết số tiền 53.000.000đồng nhưng bà L không thừa nhận hiện nay còn nợ số tiền này. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Tuyết và trực tiếp làm việc với bà Tuyết, Tòa án cũng đã gia hạn thời gian để bà Tuyết viết đơn yêu cầu nộp đến Tòa án nhưng

bà Tuyết không nộp đơn khởi kiện cụ thể trong vụ án này. Sau đó, ông Th nhận trách nhiệm sẽ tự giải quyết với bà Tuyết và ông Th cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ trên trong vụ án này. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

Nếu sau này các bên đương sự và các chủ nợ không tự thỏa thuận giải quyết được với nhau về vấn đề nợ chung thì các chủ nợ có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có chứng cứ, chứng minh theo quy định của pháp luật.

[5] Quá trình giải quyết vụ án, anh Hoàng Văn Chi là con của ông Thịnh, bà L có nộp đơn yêu cầu độc lập trong vụ án về việc yêu cầu ông Thịnh, bà L phải thanh toán cho anh Chi số tiền 480.000.000đồng nhưng đến ngày 26/5/2022 anh Chi nộp đơn xin rút yêu cầu khởi kiện. Việc rút đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc ông Hoàng Văn Th phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 227 và Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Hoàng Văn Th, xử cho ông Hoàng Văn Th và bà Phùng Thị L được ly hôn.

2. Về án phí: Ông Hoàng Văn Th phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Hoàng Văn Th đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0003035 ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Ông Hoàng Văn Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/6/2022) các bên đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trịnh Đoàn Hạnh Trang